Họ và tên: …… Lớp: 1…….

ÔN TẬP TOÁN CUỐI HỌC KÌ II
ĐỀ SỐ 1

Điểm	*Nhận xét của giáo viên*
	…… …… ……

I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Câu 1 (MĐ1) Khoanh tròn chữ đặt trước câu trả lời đúng (1 điểm)

a. Kết quả của phép tính 70 – 20 + 30 là:

A. 20 B. 40 C. 60 D.80

b. Một bộ phim hoạt hình dài 1 giờ. Lúc phim bắt đầu, đồng hồ chỉ 8 giờ. Hỏi khi phim kết thúc, kim ngắn của đồng hồ chỉ số mấy?

A. 9 B. 10 C.11 D. 12

Câu 2 (MĐ1) Quan sát các đồ vật dưới đây, đúng ghi Đ, sai ghi S (1 điểm)

a. Biển báo cấm đi ngược chiều có dạng hình tròn ☐

b. Hộp sữa có dạng hình vuông ☐

c. Khối rubic có dạng hình lập phương ☐

d. Viên gạch có dạng hình hộp chữ nhật ☐

Câu 3 (MĐ1) Điền số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm (1 điểm)

34 → … chục; 34 → … đơn vị

34 = …… + ……

Đọc:……

45 → … chục; 45 → … đơn vị

45 = …… + ……

Đọc:……

Câu 4 (MĐ2) Viết *cao hơn, thấp hơn, dài hơn, ngắn hơn* vào chỗ chấm cho thích hợp (1 điểm)

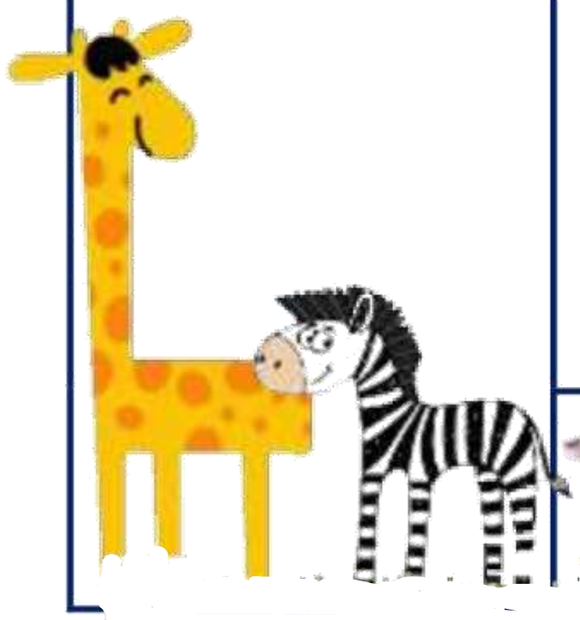

a. Cây hoa hướng dương …….. bạn Lan.

b. Hươu cao cổ……ngựa vằn.

b. Bút chì …… bút mực

d. Xe máy…….. ô tô.

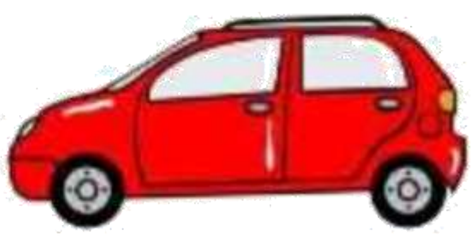

II. Tự luận (6 điểm)

Câu 1 (MĐ1) Tính (1 điểm)

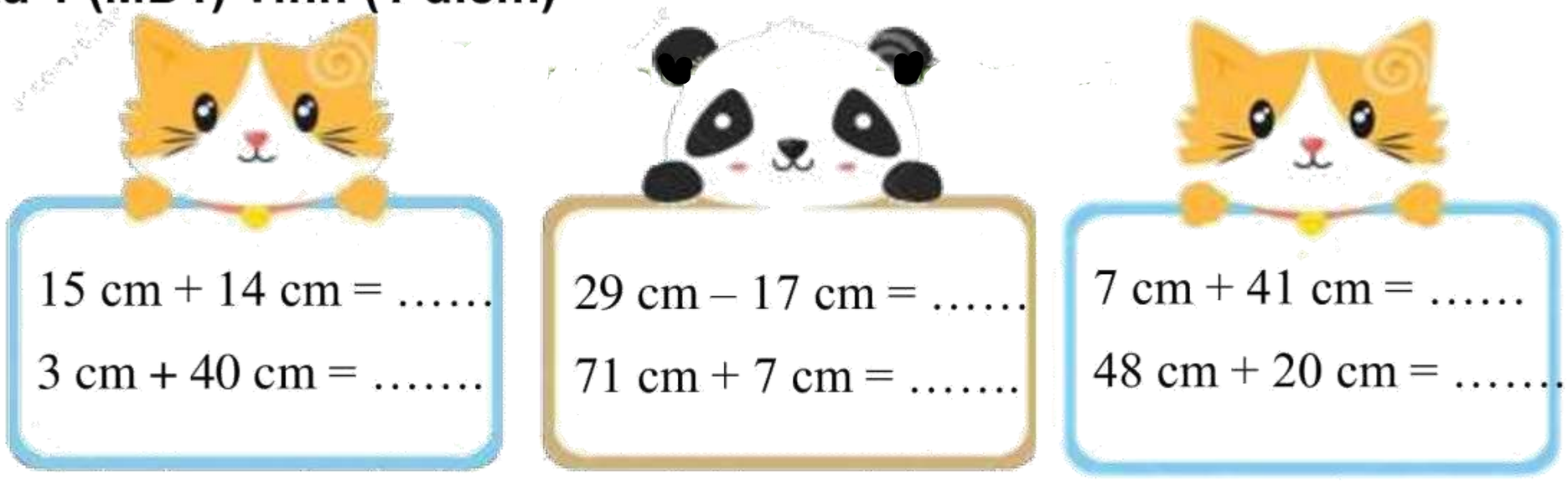

Câu 2 (MĐ1) Đặt tính rồi tính (1 điểm)

28 + 31 39 - 21 40 + 18 68 - 33

Câu 3 (MĐ2) >, < , = ? (1 điểm)

27 – 2……55 – 44 78 – 35……66 - 4 4 + 54…..23 + 35

45 – 21…...23 + 32 99 – 11……46 + 13 20 + 40 -10…..70 - 10

Câu 4 (MĐ3) Điền số thích hợp (2 điểm)

a. Lan đã hái 7 quả cam, Lan phải hái thêm …… quả nữa để đủ 1 chục quả.

b. Mẹ Mai mua 3 chục chiếc khẩu trang và được tặng thêm 2 chiếc. Vậy mẹ Mai có tất cả bao nhiêu chiếc khẩu trang?

Phép tính: □ ○ □ = □

Trả lời: Mẹ có tất cả □ khẩu trang

Câu 5 (MĐ2) Tìm và khoanh vào các phép tính đúng (1 điểm)

67	-	5	=	62	+	12
-	10	32	+	17	=	49
20	+	66	-	21	=	55
=	40	88	-	25	=	53
47	=	=	+	-	-	60
-	50	45	-	13	=	32
10	-	+	29	=	-	56
=	30	22	40	13	+	27

Họ và tên: ……. Lớp: 1…….

ÔN TẬP TOÁN CUỐI HỌC KÌ II
ĐỀ SỐ 2

Điểm	*Nhận xét của giáo viên*
	…… …… ……

I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Câu 1 (MĐ1) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng (1 điểm)

a. Số chín mươi viết là:

A. 09 B. 90 C. 19 D. 99

b. Kết quả của phép tính 68 – 5 là:

A. 18 B.62 C. 63 D. 36

Câu 2 (MĐ1) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ☆ (1 điểm)

Một tuần lễ có 7 ngày. ☆

Hôm nay là thứ hai, ngày mai là thứ ba. ☆

Hôm nay là thứ hai, hôm qua là thứ ba. ☆

Hôm nay là thứ hai, ngày kia là thứ tư. ☆

Câu 3 (MĐ1) Tô màu vào đúng hình sau (1 điểm)

a. Hình tam giác ở bên trái hình vuông

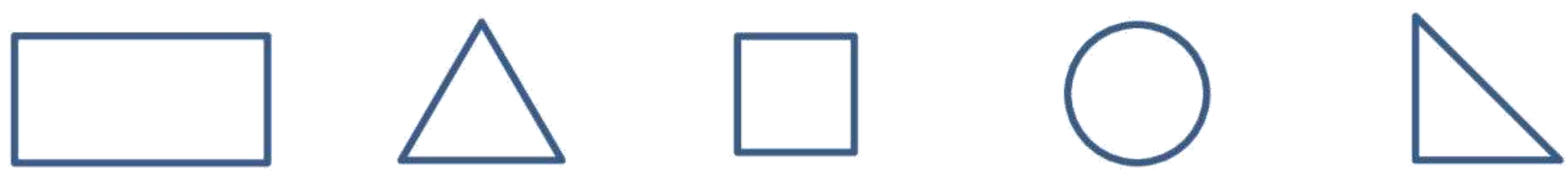

b. Hình vuông ở giữa hình tam giác và hình tròn

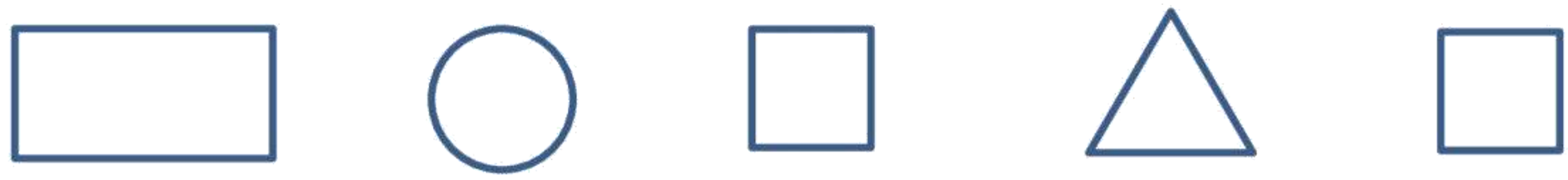

Câu 4 (MĐ2) Điền số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm (1 điểm)

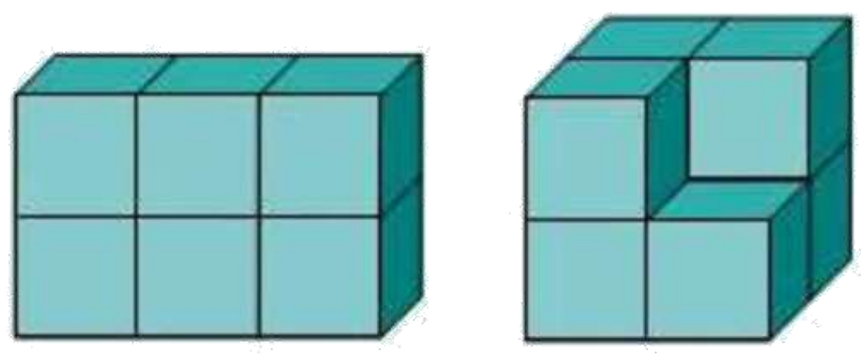

Hình 1 Hình 2

a. Hình 1 có …… khối hình lập phương

b. Hình 2 có……. Khối hình lập phương

II. Tự luận (6 điểm)

Câu 1 (MĐ1) Tính (1 điểm)

43 cm + 15 cm = ……
80 cm - 20 cm + 6 cm = …….
……. + 30 cm = 50 cm

78 cm - 16 cm = ……
51 cm + 6 cm - 6 cm = …….
89 cm - …… = 82 cm

Câu 2 (MĐ1) Đặt tính rồi tính (1 điểm)

53 + 20 75 - 14 4 + 24 68 - 18

Câu 3 (MĐ2) Sắp xếp các phép tính theo kết quả từ bé đến lớn (1 điểm)

……

Câu 4 (MĐ2) .

a. Mẹ đi công tác 1 tuần và thêm 3 ngày nữa. Hỏi mẹ đi công tác tất cả mấy ngày ?

Phép tính: ☐ ○ ☐ = ☐

Trả lời:……

b. Minh và Lan có 48 quyển truyện, hai bạn mang đi từ thiện 27 quyển. Hỏi Minh và Lan còn lại bao nhiêu quyển truyện?

Phép tính: ☐ ○ ☐ = ☐

Trả lời:……

Câu 5 (MĐ3) Đặt các thẻ số thích hợp vào ô trống ☐ (1 điểm)

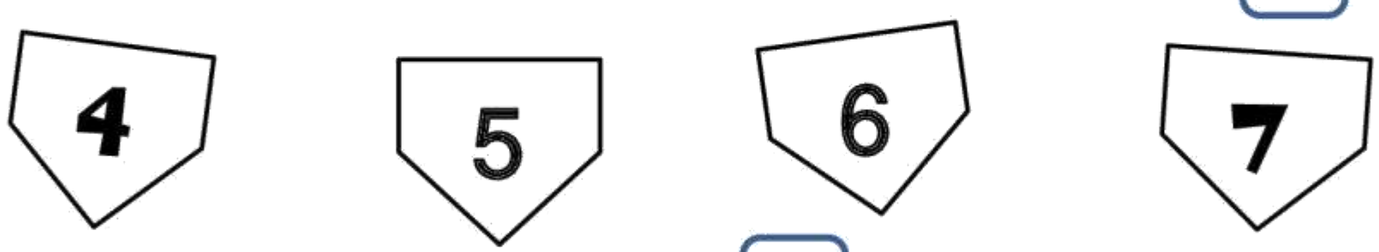

51 + ☐ > 51 + 5

68 - ☐ > 68 – 5

Họ và tên: ……. Lớp: 1…….

ÔN TẬP TOÁN CUỐI HỌC KÌ II
ĐỀ SỐ 3

Điểm	*Nhận xét của giáo viên*
	…… …… ……

I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Câu 1 (MĐ1) Khoanh tròn vào câu trả lời đúng (1 điểm)

a. Hôm nay thứ 6 ngày 18 thì thứ 7 sẽ là ngày nào ?

A. ngày 17 B. ngày 18 C. ngày 19 D. ngày 20

b. Số lớn nhất có 2 chữ số giống nhau là ?

A. 66 B.76 C. 99 D. 89

c. Kết quả của phép tính 78 – 23 = ……

A. 55 B. 56 C .65 D. 54

d. Điền dấu 34 – 4 …….30

A. > B. < C. =

Câu 2 (MĐ1) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống (1 điểm)

12cm+ 2cm = 14 ☐ 42 cm – 2cm = 40cm ☐

12cm+ 2cm = 14 cm ☐ 42 – 2 cm = 40 ☐

Câu 3 (MĐ2) Viết *nhiều hơn* hoặc *ít hơn* vào chỗ chấm (1 điểm)

a. Nhà Minh nuôi 36 con gà và 40 con vịt.
Số con gà …….....…… số con vịt.

b. Cô của Lan kể rằng, hôm qua cô tặng 64 chiếc khẩu trang và 68 lọ nước sát khuẩn cho các cụ già.
Số nước sát khuẩn …….…… số khẩu trang.

c. Lớp Chi mới mua thêm 96 chiếc nhãn vở và 80 chiếc bút máy để làm phần thưởng.
Số nhãn vở …….…… số bút máy.

d. Mai học bài trong 2 giờ, Nga học bài trong 3 giờ
Số giờ Nga học …….…… số giờ Mai học

Câu 4: (MĐ2) Viết đúng tên mỗi hình (1 điểm)

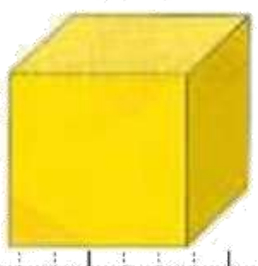

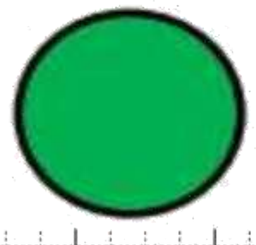

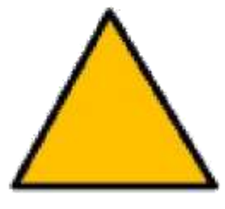

II. Tự luận (6 điểm)

Câu 1. (MĐ1) Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé (1 điểm)

Câu 2 (MĐ1) Đặt tính rồi tính (1 điểm)

63 + 15 47 - 14 7 + 22 78 - 15

Câu 3 (MĐ2) Viết dấu >, = hoặc < vào ◯ (1 điểm)

50 + 21	◯	70	29 + 60	◯	90
28 + 40	◯	40 + 28	52 + 7	◯	57 + 2
36 + 30	◯	63 + 30	45 + 30	◯	35 + 40

Câu 4 (MĐ2) Điền số thích hợp vào chỗ chấm (2 điểm)

a. Ngăn dưới có 63 quyển sách, ngăn trên có 34 quyển sách. Cả hai ngăn có tất cả bao nhiêu quyển sách?

Phép tính: □ ◯ □ = □

Trả lời: Cả hai ngăn có tất cả □ quyển sách

b. Đội văn nghệ lớp 1A có 18 bạn, trong đó có 5 bạn trai. Đội văn nghệ lớp 1A có bao nhiêu bạn gái?

Phép tính: □ ◯ □ = □

Trả lời: Đội văn nghệ lớp 1A có □ bạn gái

Câu 5 (MĐ3) Tìm hình thích hợp điền vào dấu ? (1 điểm)

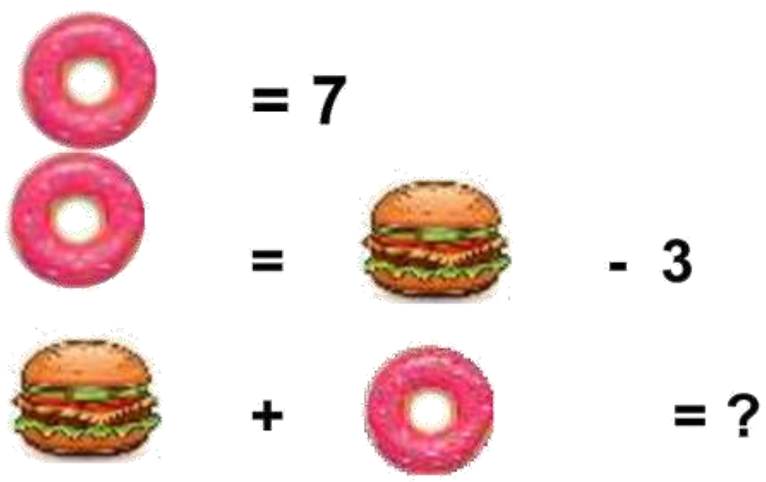

Họ và tên: ……. Lớp: 1…….

ÔN TẬP TOÁN CUỐI HỌC KÌ II
ĐỀ SỐ 4

Điểm	*Nhận xét của giáo viên*
	…… …… ……

I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Câu 1 (MĐ1) Viết vào chỗ chấm (1 điểm)

a) Cách đọc các số:	b) Viết số?
43: ……. 35: ……	Năm mươi : …….. Ba mươi mốt: ……..

c) Khoanh vào số lớn nhất:

72 96 85 47

d) Khoanh tròn vào số bé nhất:

50 61 48 58

Câu 2 (MĐ1) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống (1 điểm)

a) 77 – 7 – 0 = 77 ☐ c) 65 – 33 < 33 ☐

b) 90 + 5 > 94 ☐ d) 63 = 36 ☐

Câu 3 (MĐ2) Điền chữ thích hợp vào chỗ chấm (1 điểm)

Minh nói: "Các số có 1 chữ số đều nhỏ hơn 10". Sang lại nói: "10 lớn hơn tất cả các số có 1 chữ số ". Hai bạn nói có đúng không?

Trả lời: .....

Câu 4 (MĐ 1) Đồng hồ chỉ mấy giờ? (1 điểm)

…… giờ

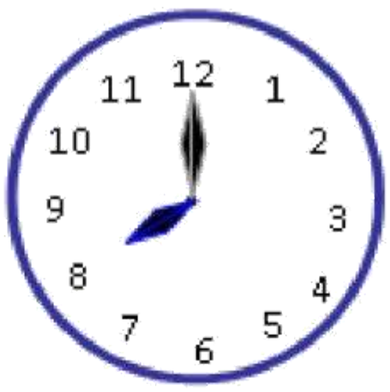

…… giờ

Câu 5 (MĐ2) Điền số thích hợp vào chỗ chấm (1 điểm)

a, Có bao nhiêu hình chữ nhật ?

Có tất cả số hình chữ nhật là .....

b, Có bao nhiêu hình tam giác ?

Có tất cả số hình tam giác là .....

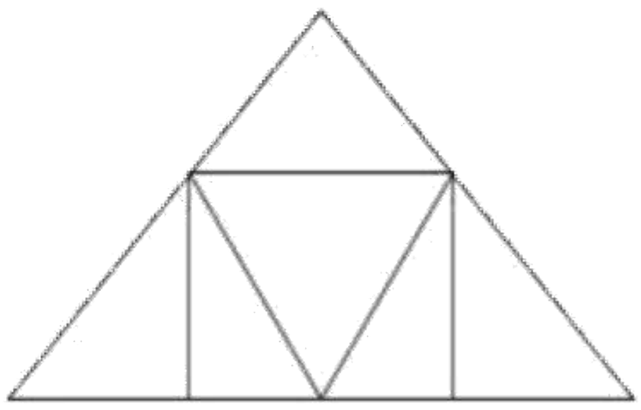

II. Tự luận (6 điểm)

Câu 1 (MĐ1) Đặt tính rồi tính (1 điểm)

24 + 35 52 + 36 77 – 43 68 -35

Câu 2 (MĐ1) Em hãy nhìn vào các tờ lịch và điền vào chỗ trống (1 điểm)

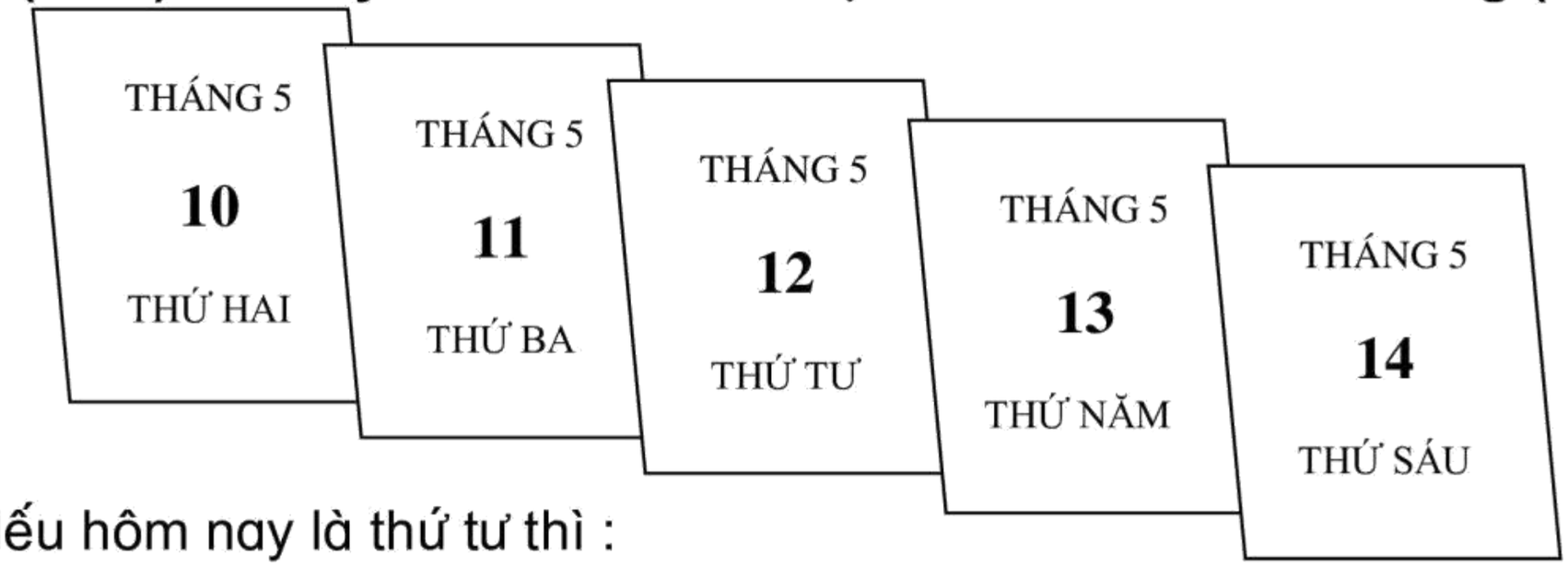

a) Nếu hôm nay là thứ tư thì :

- Ngày hôm qua là thứ ……..
- Ngày mai là thứ ……...
- Ngày hôm kia là thứ ……....
- Ngày kia là thứ ……....

Câu 3 (MĐ2) Điền dấu < , >, = vào chỗ chấm (1 điểm)

a. 27cm – 21cm……..8cm c. 34cm + 52cm …….52cm + 34cm

b. 41cm + 8cm ……..45cm d. 13cm + 43cm …….42cm + 13cm

Câu 4 (MĐ2) Viết số thích hợp vào ô trống (1 điểm)

Toàn trường có 75 chậu hoa cần phải tưới. Riêng khối lớp một được phân công tưới 15 chậu. Học sinh các khối lớp khác được phân công tưới bao nhiêu chậu hoa?

Phép tính: □ ○ □ = □

Trả lời: Học sinh các khối lớp các được phân công tưới □ chậu hoa.

Câu 5 (MĐ3) Viết bốn phép tính với ba số cho trước (1 điểm)

Bố trồng **65** cây cam và xòai

Con đếm được có **42** cây cam và **23** cây xòai

… + … = … - … =

… + … = … - … =

Họ và tên: ……. Lớp: 1…….

ÔN TẬP TOÁN CUỐI HỌC KÌ II
ĐỀ SỐ 5

Điểm	*Nhận xét của giáo viên*
	…… …… ……

I. Trắc nghiệm (3 điểm)

Câu 1 (MĐ1) Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất (1 điểm)

a. Một tuần lễ em đi học mấy ngày ?

A. 7 ngày B. 6 ngày C. 5 ngày D. 4 ngày

b. 65 gồm:

A. 60 chục và 5 đơn vị C. 5 chục và 6 đơn vị

B. 6 chục và 5 đơn vị D. 6 và 5

c. 55 đọc là :

A. năm mươi năm B. năm mươi lăm C. năm năm D. năm lăm

d. Trong các số: 38, 19, 71, 62. Số lớn nhất là:

A. 38 ; B. 19 ; C. 71 ; D. 62;

Câu 2 (MĐ2)Quan sát hình sau và điền số thích hợp vào chỗ chấm (1 điểm)

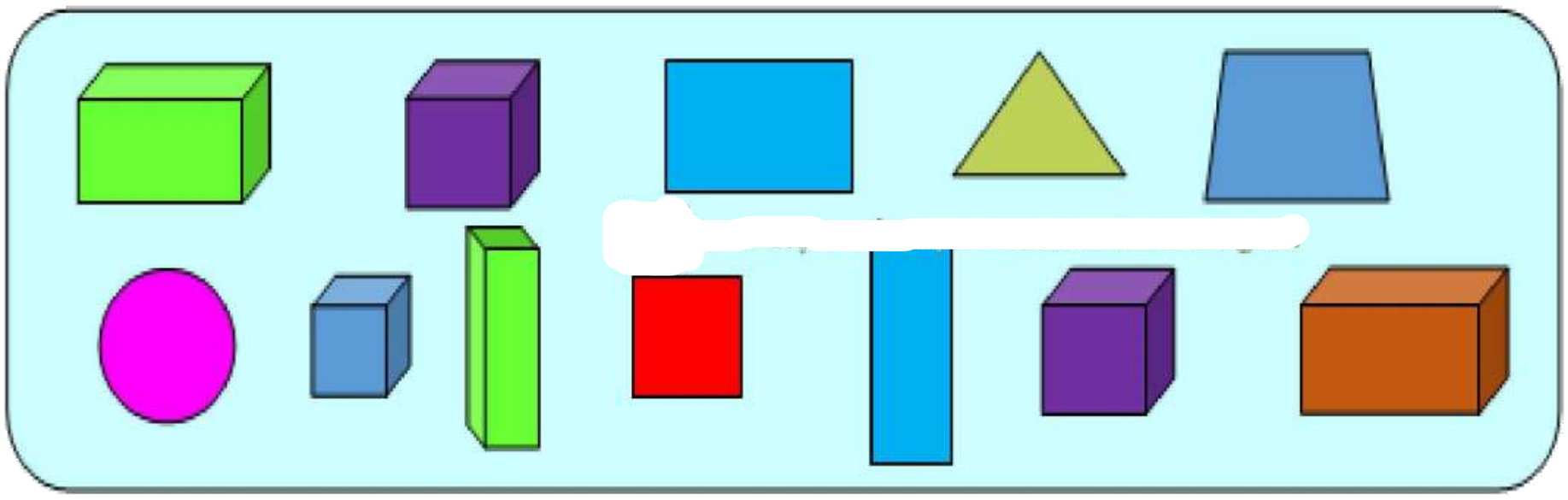

Có ☐ khối lập phương Có ☐ khối hộp chữ nhật

Có ☐ hình vuông Có ☐ hình chữ nhật

Câu 3 (MĐ1) Biết thứ hai là ngày 14 em hãy nối đúng các thứ còn lại với ngày tương ứng: (1 điểm)

Thứ hai	Ngày 14	Thứ năm
	Ngày 15	
Thứ bảy	Ngày 16	Thứ ba
	Ngày 17	
Thứ sáu	Ngày 18	Thứ tư
	Ngày 19	

II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1 (MĐ1) Viết số thích hợp vào ô trống (1 điểm)

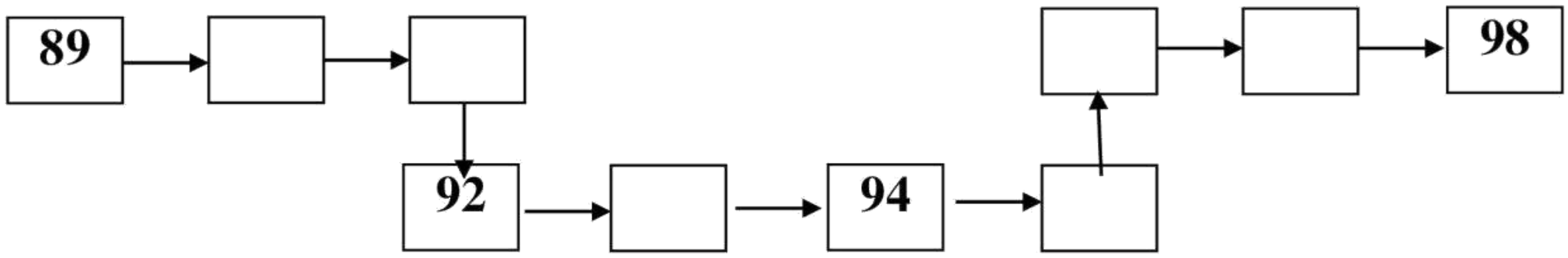

Câu 2 (MĐ1) Tính (1 điểm)

15 + 3 - 4 = ...
80 - 40 + 20 = ...

50 cm + 30 cm =.....
13 cm + 5 cm - 7 cm = ...

Câu 3 (MĐ1) Đặt tính rồi tính (1 điểm)

45 + 21 58 – 35 47 + 52 64 – 42

Câu 4 (MĐ2) (1 điểm)

> < =

75 ☐ 23 + 34 20 + 35 ☐ 56

86 - 25 ☐ 51 67 - 7 ☐ 90-30

Câu 5 (MĐ2) Viết phép tính thích hợp (2 điểm)

a. Một cửa hàng bán vải. buổi sáng cửa hàng bán được 45 m vải, buổi chiều cửa hàng bán được 12 m vải nữa. Hỏi cả ngày cửa hàng bán bao nhiêu m vải?

b. Nhà An nuôi được 38 con gà và con thỏ, trong đó có 12 con thỏ. Hỏi nhà An nuôi được bao nhiêu con gà?

Câu 6 (MĐ3) Số?

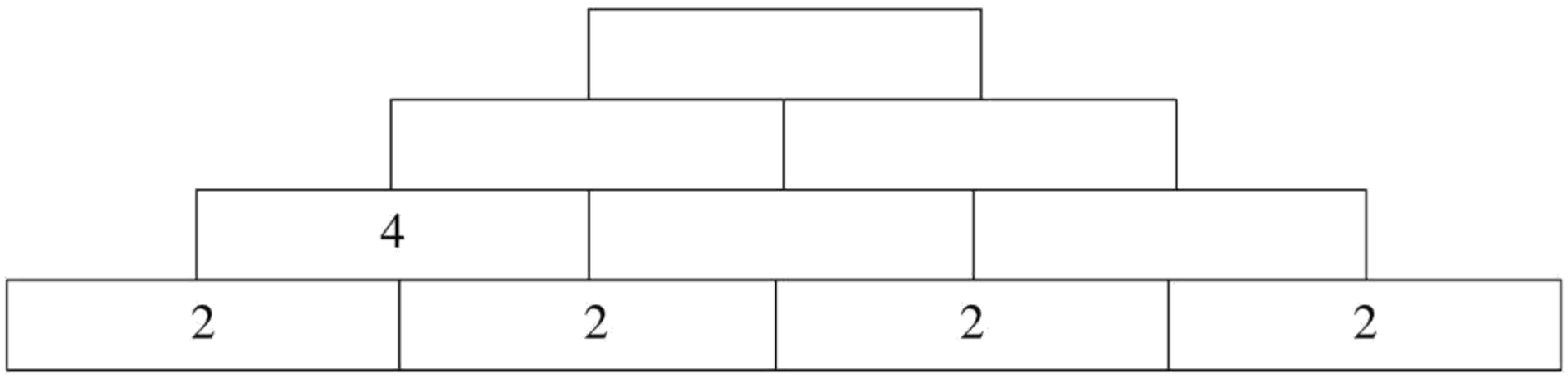

Họ và tên: ……. Lớp: 1…….

ÔN TẬP TOÁN CUỐI HỌC KÌ II
ĐỀ SỐ 6

Điểm	*Nhận xét của giáo viên*
	…… …… ……

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1. Số lớn nhất trong các số: 27; 72; 54; 45 là số nào?

   a. 27 b. 72 c. 54 d. 45

2. Số 64 đọc là gì?

   b. sáu mươi tư b. sáu tư c. sáu mươi bốn d. sáu bốn

3. Các số: 10; 0; 8; 3; 5; xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

   a. 0; 3; 5; 8; 10. c. 10; 8; 3; 5; 0.

   b. 0; 5; 3; 8; 10. d. 10; 8; 5; 3; 0.

4. Có bao nhiêu số có một chữ số ?

   a. Có 9 số có một chữ số. b. Có 10 số có một chữ số.

   c. Có 11 số có một chữ số. d. Có 8 số có một chữ số.

Câu 2. Nối ô trống với số thích hợp.

12 + 25 < ☐ < 24 + 15 13 + 21 < ☐ < 26 + 10

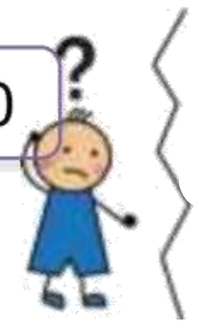

34 35 36 37 38

Câu 3. Hình bên có:

- ……. hình vuông.
- ……. hình tam giác.

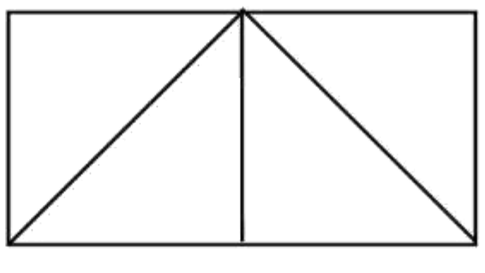

Câu 5. Điền vào chỗ chấm

Gà, hươu, chim cánh cụt chạy thi.

Bạn về đích thứ nhất đứng ở bục cao nhất.

Bạn về đích thứ ba đứng ở bục thấp nhất.

Bạn …… về đích thứ nhất

Bạn …… về đích thứ hai

Bạn …… về đích thứ ba

II. Tự luận

Câu 1. Đặt tính rồi tính

32 + 17 49 + 20 58 - 30 67 - 5

Câu 2. Tính :

40 + 20 – 40 = ... 38 – 8 + 7 = ...

25cm + 14cm = ... 56cm – 6cm + 7cm = ...

Câu 3. Điền số thích hợp vào ô trống

42	+	43	=	
		+		
		44		
		=		

98	–	45	=	
		–		
		24		
		=		

Câu 4. Viết phép tính thích hợp

a. Mai hái được 23 bông hoa, Mi hái được 14 bông hoa. Hỏi cả hai chị em hái được bao nhiêu bông hoa?

b. Nam có 25 viên bi. Nam cho Việt 10 viên bi. Hỏi Nam còn lại bao nhiêu viên bi?

Câu 5. Em đọc yêu cầu sau:

Vẽ hai kim vào đồng hồ hình tròn:

Đồng hồ hình vuông bị chậm hơn đồng hồ hình tròn 1 giờ. Vẽ hai kim vào đồng hồ hình tròn để được giờ chính xác, rồi viết só chỉ giờ dưới mỗi đồng hồ.

.....

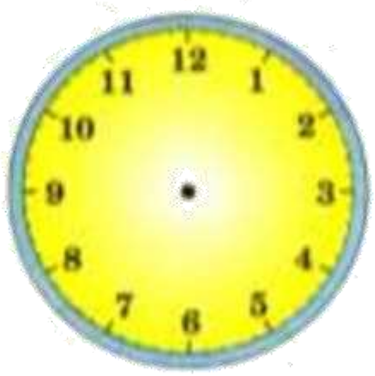

.....

Họ và tên: ……. Lớp: 1…….

ÔN TẬP TOÁN CUỐI HỌC KÌ II
ĐỀ SỐ 7

Điểm	*Nhận xét của giáo viên*
	……
	……
	……

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S

$$\begin{array}{r} 7 \\ +\ 12 \\ \hline 82 \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ +\ 12 \\ \hline 19 \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ +\ 7 \\ \hline 19 \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ +\ 7 \\ \hline 82 \end{array}$$

Câu 2. a. Khoanh vào các số bé hơn 42.: 55; 34; 72; 26; 40.

b. Khoanh vào các số lớn hơn 50. 56; 29; 54; 49; 90.

Câu 3. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả trả lời đúng.

a) Số lớn hơn 70 và bé hơn 72 là:

A. 71 B. 69 C. 60 D. 80

b) Quyển sách Toán lớp 1 của em dài khoảng.....

A.25 cm. B. 2 gang tay C. 15cm D. 30 cm

Câu 4. Số?

10 – 4 - ……	< 5	2 + 2 + ……
5 + 3 - ……		8 – 5 + …….
4 + 3 - ……	> 5	10 – 3 - ……
2 + 7 - ……		1 + 3 + …….

Câu 5. Viết vào chỗ chấm cho thích hợp:

Khối lớp năm trường Tiểu học Tân Bình có bốn lớp: lớp 5A có 30 bạn, lớp 5B có 35 bạn, lớp 5C có 33 bạn, lớp 1D có 34 bạn.

- Lớp ……. có số bạn ít nhất.
- Lớp …….. có học sinh đông nhất.
- Số bạn lớp 5A *(nhiều hơn/ít hơn)*…….. số bạn lớp 5B.
- Số bạn lớp 5D *(nhiều hơn/ít hơn)*…….. số bạn lớp 5C.

Câu 6. Bút chì dài:

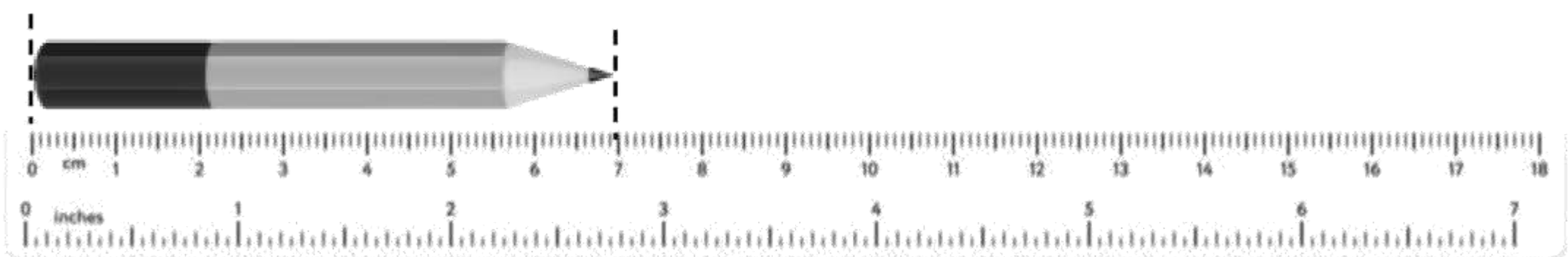

a. 7 cm b. 8 cm c. 9cm

II. Tự luận

Câu 1. Đặt tính rồi tính

46 + 31 4 + 23 77 - 55 28 - 20

Câu 2. Số ?

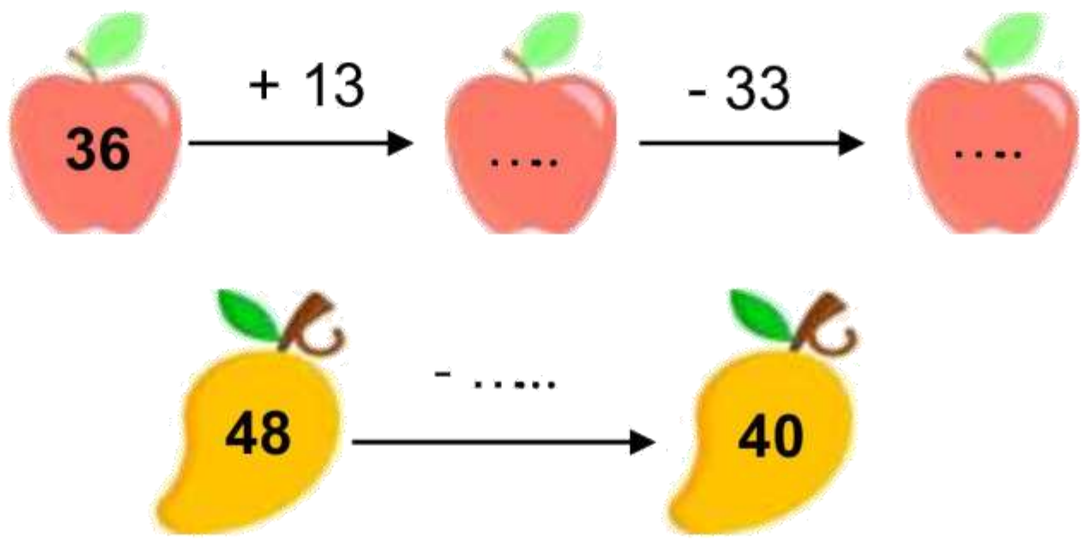

Câu 3. > ; < ; =

39 cm …… 74 cm ; 89 cm …… 98 cm ; 56 cm …….. 50 cm + 6 c

68 cm …… 66 cm ; 99 cm ……100 cm ; 32 cm – 2 cm …….. 32 cm + 2cm

Câu 4. a. Đàn gà nhà em có 35 con gà mái và 12 con gà trống. Hỏi đàn gà nhà em có tất cả bao nhiêu con gà?

Phép tính:

Trả lời:

b. Bác Tư trồng được tất cả 17 quả bưởi và cam,trong đó có 7 cây cam.Hỏi Bác Tư trồng được bao nhiêu cây bưởi?

Phép tính:

Trả lời:

Câu 4. Dùng các số trong túi để lập hai phép cộng và hai phép trừ tương ứng

…… …… ……

…… …… ……

…… …… ……

…… …… ……

Họ và tên: ……. Lớp: 1…….

ÔN TẬP TOÁN CUỐI HỌC KÌ II
ĐỀ SỐ 8

Điểm	*Nhận xét của giáo viên*
	…… …… ……

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

a) Viết các số: Tám mươi sáu : ……; Hai mươi lăm: ……..

b) Đọc số: 98: ……; 35: ……...

Câu 2: Số lớn nhất trong các số 89, 98, 67, 100 là:

A. 100 B. 98 C. 89 D. 67

Câu 3: Số bé hơn số 50 là số:

A. 51 B. 49 C. 52 D. 50

Câu 4: Dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm 72 + 2 …. 95 - 13

A. < B. > C. =

Câu 5: Kết quả của phép tính 55cm + 32cm là:

A. 87cm B. 87 C. 67 D. 78

Câu 6. Con đọc và trả lời yêu cầu sau

a. Bộ phim hoạt hình Lava dài 2 giờ. Lúc phim bắt đầu, đồng hồ chỉ 6 giờ. Hỏi khi phim kết thúc, kim ngắn của đồng hồ chỉ số mấy?

Trả lời:……

b. Huy ăn trưa lúc 12 giờ. Lúc đó, kim giờ chỉ số …… và kim phút chỉ số ……

Câu 7. Khoanh vào khối hộp chữ nhật.

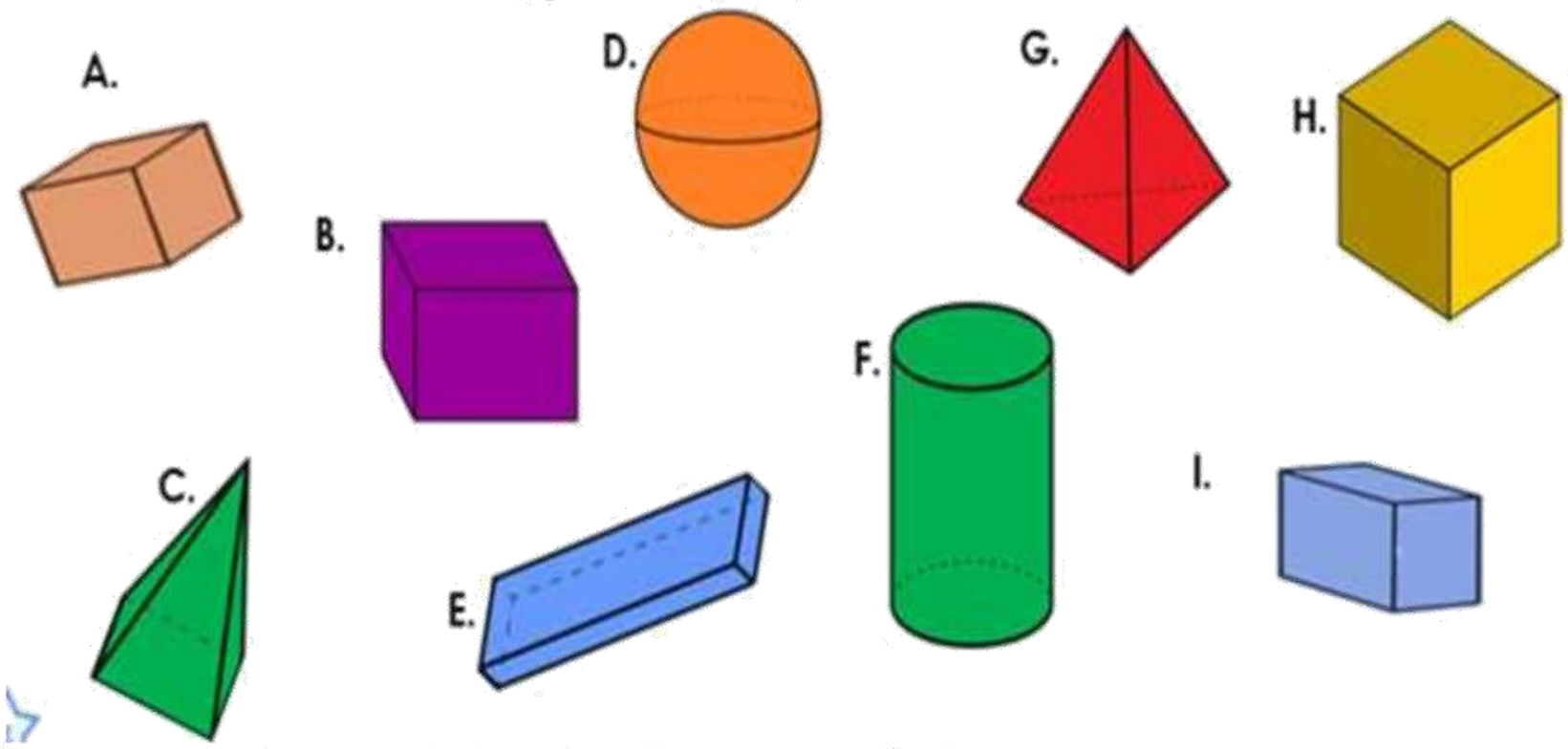

Câu 8. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Việt Nam nằm trong khu vực Đông Nam Á. Khu vực Đông Nam Á có 11 nước và vùng lãnh thổ, trong đó chỉ có nước Lào không giáp biển. Hỏi có bao nhiêu nước Đông Nam Á giáp biển?

A. 9 nước B. 10 nước C. 11 nước

II. Tự luận

Câu 1. Viết vào ô trống cho thích hợp

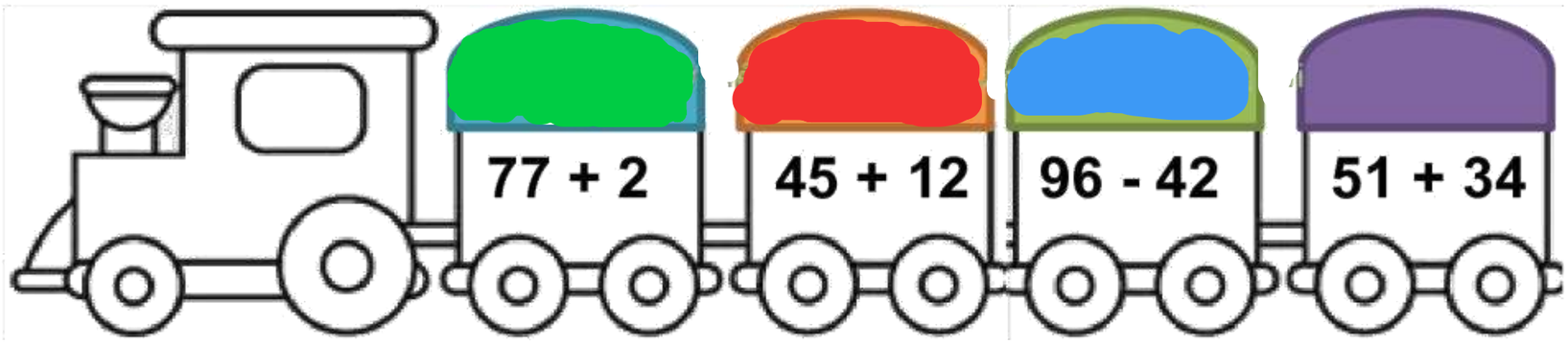

Tòa	A	B	C	D
Kết quả				

Câu 2. Đặt tính rồi tính

76 - 23 33 + 56 48 - 2 61 + 7

Câu 3. Viết số thích hợp vào ô trống

Khối 1 được nhà trường giao chăm sóc 35 chậu hoa. Khối 2 được nhà trường giao chăm sóc 42 chậu hoa. Hỏi hai lớp được nhà trường giao chăm sóc tất cả bao nhiêu chậu hoa?

Hai lớp chăm sóc tất cả ☐ chậu hoa.

Câu 4. Điền từ và số thích hợp vào chỗ chấm

Hôm nay là …… ngày …… tháng ……

Ngày mai là …… ngày …… tháng ……

Hôm qua là …… ngày …… tháng ……

Câu 5. Hoàn thành bảng sau để giải cứu công chúa

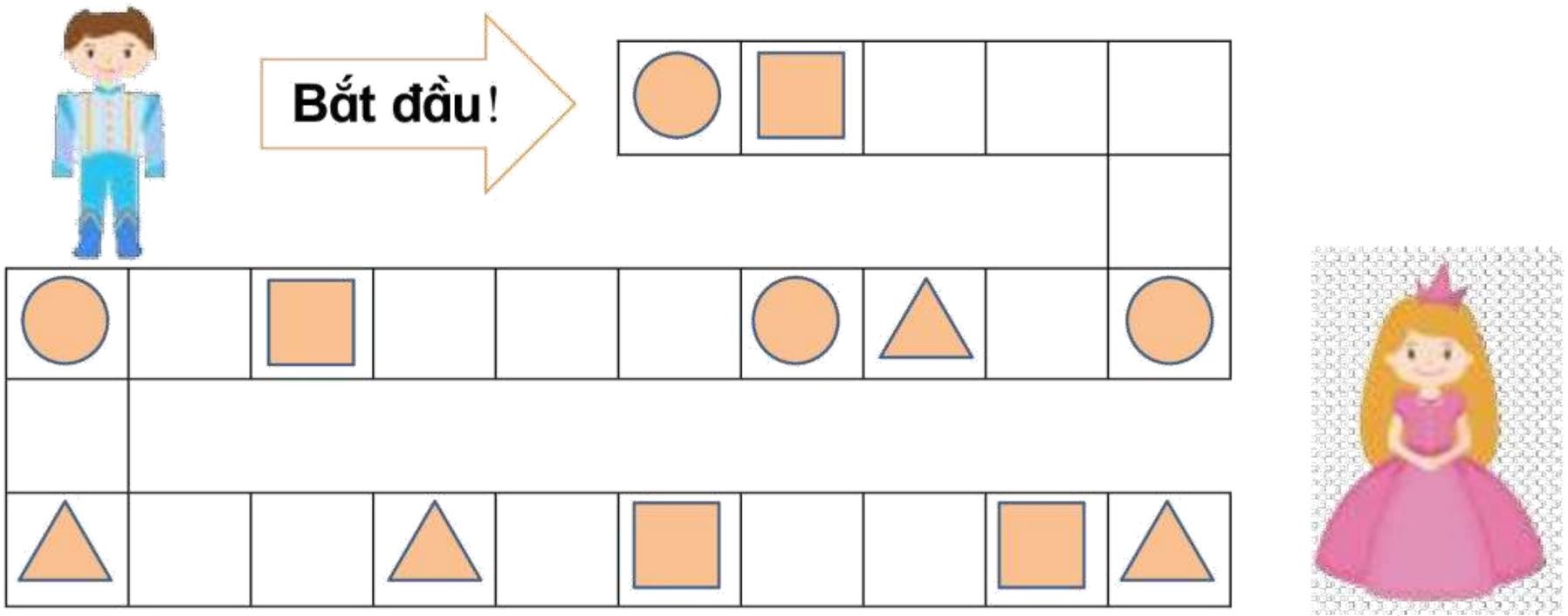

Họ và tên: ……. Lớp: 1…….

ÔN TẬP TOÁN CUỐI HỌC KÌ II
ĐỀ SỐ 9

Điểm	*Nhận xét của giáo viên*
	……
	……
	……

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ☐

a. Số 54 gồm 4 chục và 5 đơn vị ☐ b. Số 88 gồm 8 và 8 ☐

c. Số 54 gồm 5 chục và 4 đơn vị ☐ d. Số 88 gồm 8 chục và 8 đơn vị ☐

Câu 2. Đánh dấu X vào ☐ trước cách viết đúng

Các số: 27; 21; 23; 76; 68; 45; 64; 72 được viết theo thứ tự từ lớn đến đến bé:

☐ 76, 72, 64, 68, 45, 23, 27, 21

☐ 68, 27, 76, 45, 64, 23, 72, 21

☐ 76, 72, 68, 64, 45, 27, 23, 21

Câu 3. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Khi đo độ dài bằng chân, bạn Nam đo được độ dài phòng học là 23 bước chân, độ dài phòng tập múa là 43 bước chân, độ dài phòng thể dục là 86 bước chân, hỏi:

a. Phòng dài nhất là:

A. Phòng học B. Phòng tập múa C. Phòng thể dục

b. Phòng ngắn nhất là:

A. Phòng học B. Phòng tập múa C. Phòng thể dục

Câu 4. Nối hai phép tính có cùng kết quả

17 - 3	46 + 32	89 - 15	67 - 26
99 - 21	44 + 30	12 + 2	10 + 31

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ trống

Hình bên được xếp bởi 12 que tính

a. Trong hình bên có …… hình vuông

b. Gạch bớt 2 que tính để hình còn lại có 3 hình vuông

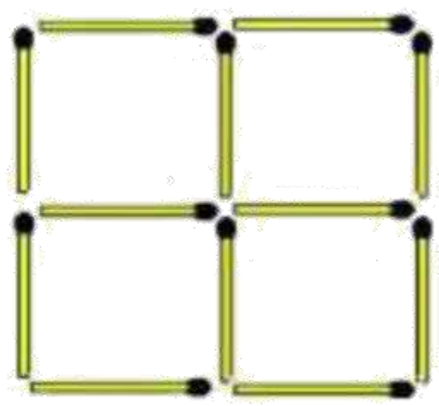

II. Tự luận

Câu 1.Viết số thích hợp vào ô trống

45 = 40 + 5 76 = ... 54 = ...

Câu 2. Đặt tính rồi tính

35 + 14 78 - 23 52 + 7 69 - 4

Câu 3. Điền dấu : < > = vào chổ chấm

19 cm – 4 cm ..... 25 cm 30 cm + 40 cm ..... 60 cm + 20 cm

40 cm + 15 cm ..... 58 cm 42 cm + 5 cm ..... 58 cm - 8 cm

Câu 4. Viết số thích hợp vào ô trống

Trong giỏ có 43 quả táo và quả cam, trong đó có 2 chục quả táo. Hỏi trong giỏ có bao nhiêu quả cam ?

Trong giỏ có ☐ quả cam

Câu 5. Viết số thích hợp vào ô trống

a) Đồng hồ chỉ mấy giờ ?

.....

.....

.....

b) Vào lúc mấy giờ thì 2 kim đồng hồ chập vào nhau ?

.....

c) Vào lúc mấy giờ thì 2 kim đồng hồ thẳng hàng với nhau ?

.....

Câu 6. Có bao nhiêu khối lập phương trong hình?

Có …… khối lập phương

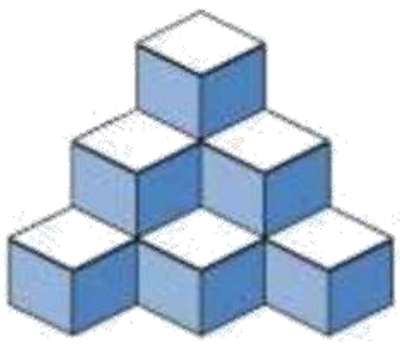

Họ và tên: ……. Lớp: 1…….

ÔN TẬP TOÁN CUỐI HỌC KÌ II
ĐỀ SỐ 10

Điểm	*Nhận xét của giáo viên*
	…… …… ……

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là:

A. 89 B. 98 C. 99 D. 90

Câu 2. Số gồm 4 chục 3 đơn vị là:

A. 34 B. 33 C. 43 D. 40

Câu 3. Dãy số nào theo thứ tự từ lớn đến bé

A. 12, 54, 23, 89 B. 54, 89, 23, 12 C. 89, 54, 12 ,23 D. 89, 54, 23, 12

Câu 4. Số lớn hơn 78 và bé hơn 80 là:

A. 78 B. 80 C. 79 D. 81

Câu 5. Mẹ đi công tác 1 tuần lễ và 3 ngày. Vậy mẹ đi công tác trong số ngày là:

A. 4 ngày B. 7 ngày C. 10 ngày D. 13 ngày

Câu 1. Tô màu những phép tính đúng

12 + 0 = 21 12 + 12 = 42 46 + 13 = 59

45 – 5 = 40 39 – 23 = 7 2 + 51 = 53

Câu 4. Nối ý đúng với mặt cười, ý sai với mặt mếu

Số lớn nhất có một chữ số là 9		Số nhỏ nhất có một chữ số là 1
Số tròn chục lớn nhất là 90		Số lớn nhất có hai chữ số là 98
Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là 98		Số nhỏ nhất có hai chữ số là 10

Câu 5. Đếm hình và điền vào chỗ trống:

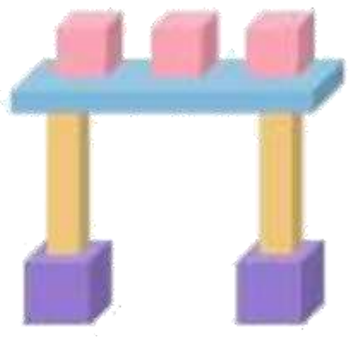

- Có ..... khối hộp chữ nhật.
- Có ..... khối lập phương.

Câu 6

- Ngày Sách Việt Nam là 21 tháng tư , vào thứ .....
- Trường em tổ chức tuần lễ văn hoá đọc. Nếu khai mạc vào 21 tháng tư thì kết thúc vào ngày ..... tháng tư

II. Tự luận

Câu 1. Viết các số 57, 71, 49, 84 theo thứ tự từ bé đến lớn

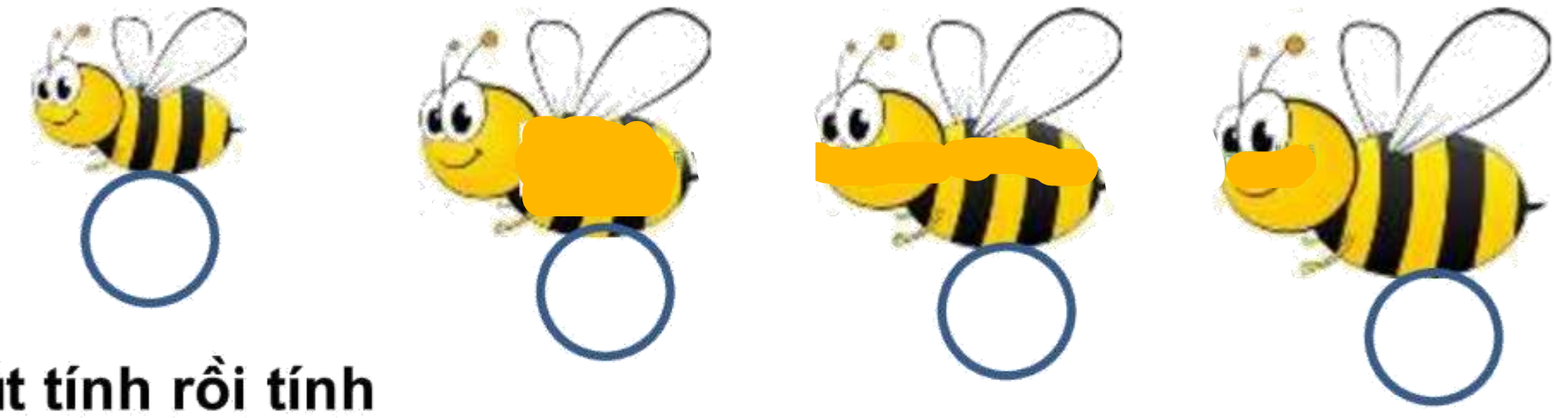

Câu 2. Đặt tính rồi tính

55 + 23 78 - 23 52 + 7 69 - 4

Câu 3. Số?

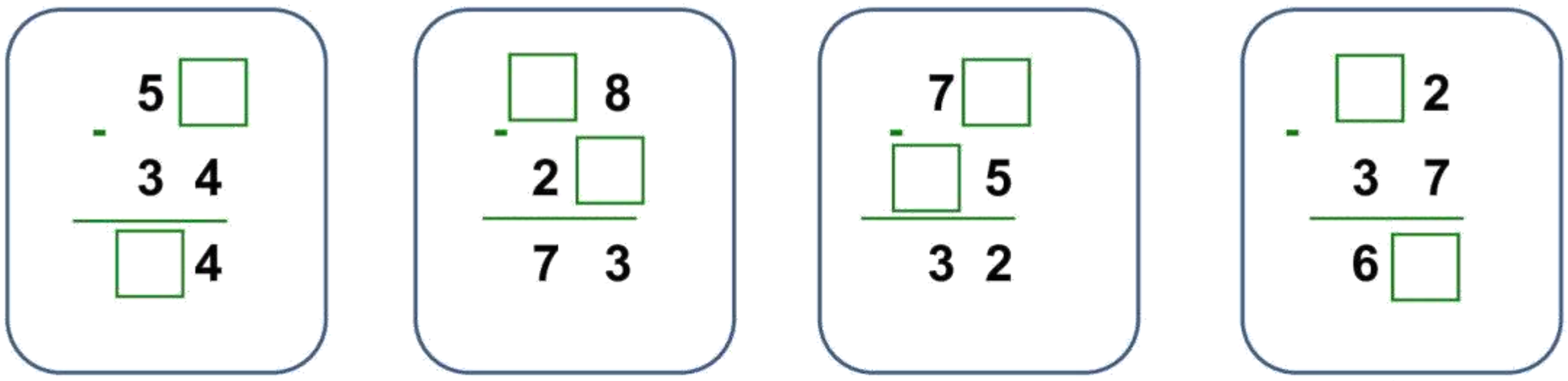

Câu 4 Tìm kết quả của phép trừ số lớn nhất có hai chữ số khác nhau và số bé nhất có hai chữ số giống nhau.

Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là:……

Số bé nhất có hai chữ số giống nhau là:……

Kết quả của phép trừ đó là:

……

Câu 5. Tìm hình thích hợp điền vào dấu ?

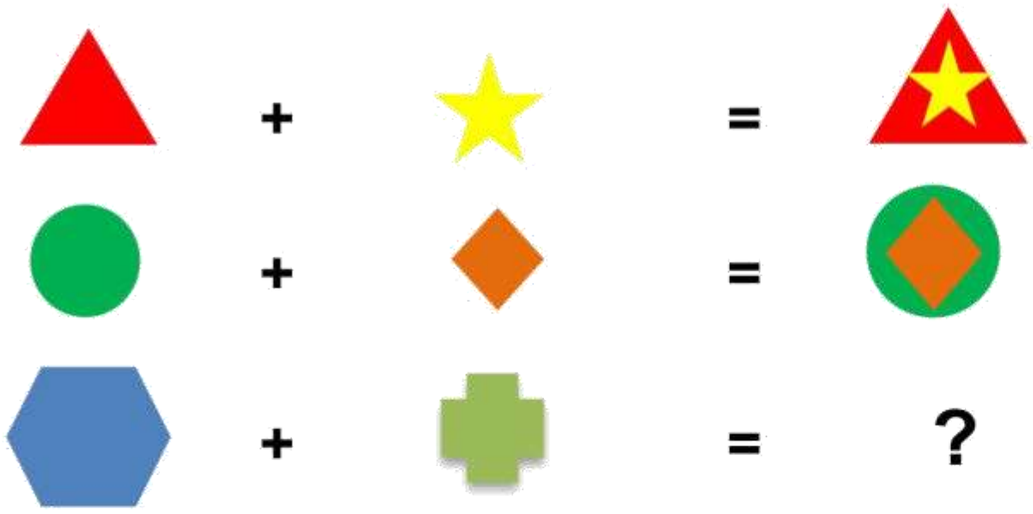

BÀI KIỂM NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn Toán - Lớp 1 -

ĐỀ 11

Câu 1(1 điểm) : Quan sát tranh và cho biết

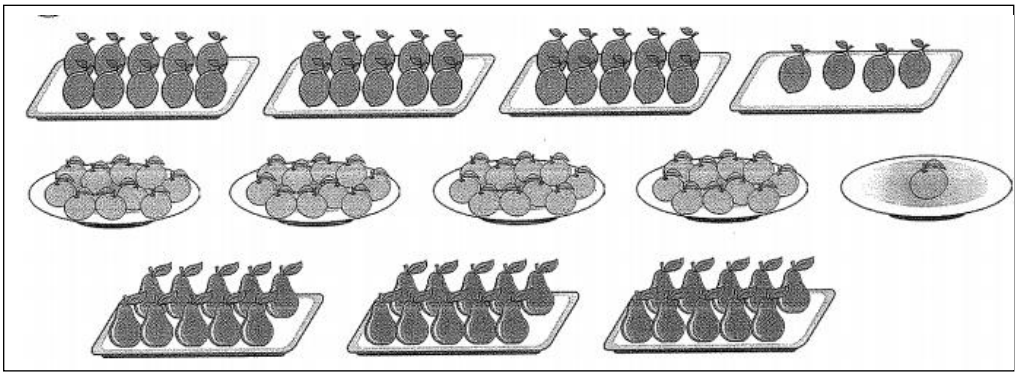

Trên hình vẽ có :

Có …….quả lê ……..gồm ……chục và …..đơn vị

Có …….quả chanh: ……. gồm …..chục và …..đơn vị

Có …….quả cam: …… gồm ……chục và …..đơn vị

Câu 2: (1 điểm) Khoanh tròn vào đáp án đúng.

a.Trong các số sau số nào lớn nhất: A.23 B.12 C.45 D.9

b.Số tròn chục bé nhất là: A. 10 B.16 C.2 D.50

c.Số 8 chục bằng với số nào : A. 70 B. 80 C. 88 D.2-

Câu 3: (1 điểm) Viết đúng tên mỗi hình.

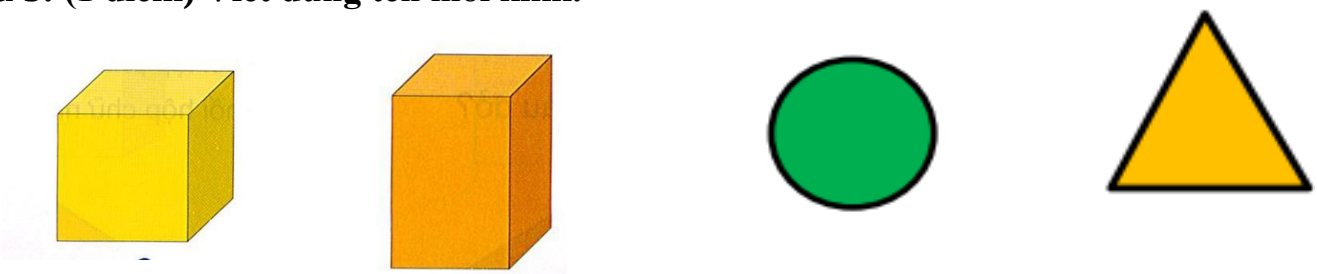

…….. …… …….. ……..

Câu 4: (1điểm) Với ba số 18, 8, 10 em hãy viết hai phép tính và hai phép tính trừ

.

Câu 5: (1 điểm) Điền Số?

97 $\xrightarrow{-51}$ ☐ $\xrightarrow{-23}$ ☐ $\xrightarrow{+12}$ ☐

28 $\xrightarrow{+21}$ ☐ $\xrightarrow{-32}$ ☐ $\xrightarrow{+10}$ ☐ $\xrightarrow{+3}$ ☐

Câu 6: (1 điểm) Bác Ba nuôi được 35 con gà và con vịt, trong đó có 1 chục con gà.Hỏi bác Ba nuôi được bao nhiêu vịt ?

A.45 B.36 C.25 D. 52

Câu 7: (1 điểm) Quan sát hình và cho biết:

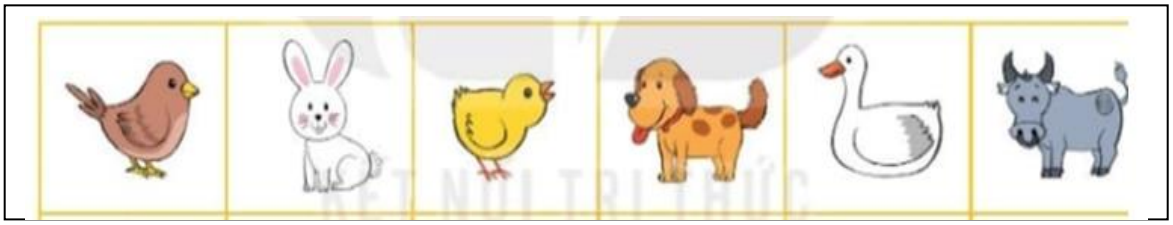

- Con vật nào đứng đầu tiên? ……..……..
- Con Vật nào đứng cuối cùng? ……..
- Con vịt đứng sau con nào ? ……..
- Con gà đứng ở giữa hai con nào ? ……..……

Câu 8: (1điểm) Điền dấu + hoặc dấu -

70 ☐ 20 = 90 87 ☐ 45 = 42 23 ☐ 61 = 84 80 ☐ 20 = 60

Câu 9:(1 điểm)

a.Khoanh tròn vào đồ vật cao hơn?

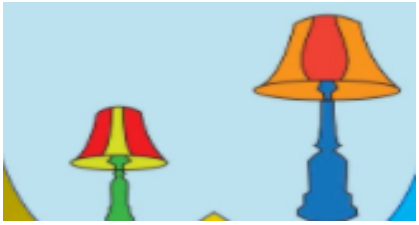

b.Khoanh vào đồ vật thấp hơn?

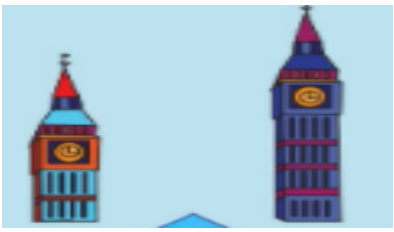

Câu 10: (1 điểm) Tính

78 – 28 – 10 + 19 + 40 - 11 = ……..

BÀI KIỂM NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn Toán - Lớp 1

ĐỀ 12

Câu 1: *(1điểm)* Viết vào chỗ chấm:

a) Cách đọc các số:	b) Số?
43: ……..	Năm mươi tư: ……..
35: ……	Bảy mươi mốt: ……...…..

Câu 2: *(1điểm)* Viết tên các hình vào chỗ chấm

....

Câu 3: *(1 điểm)* Nối (theo mẫu: 26 + 62 với 88)

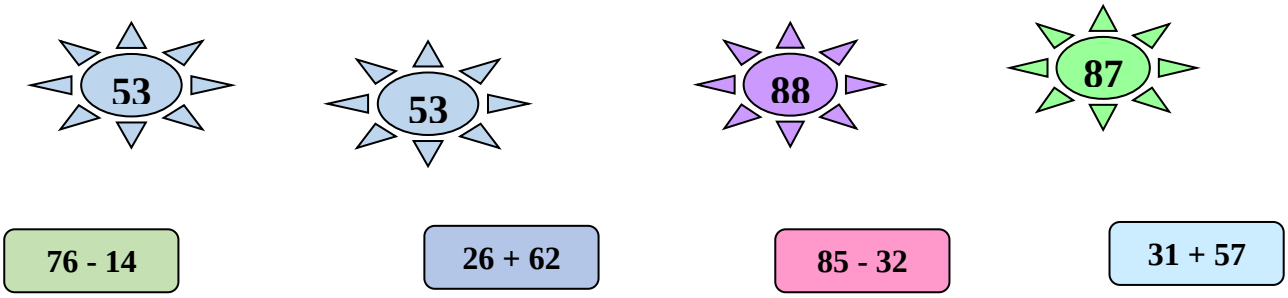

Câu 4: *(1điểm)* Nối hai phép tính có cùng kết quả.

Câu 5: *(1điểm)*

>	<	=

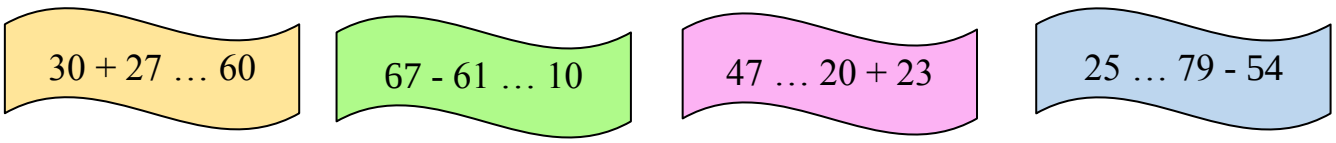

Câu 6: *(1 điểm)* Xếp các số 33; 17; 93; 11 theo thứ tự.

Các số xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là: ……

Các số xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: ……

Câu 7: *(1 điểm)* Hôm nay là thứ ba, ngày 12 tháng mười. Hỏi thứ sáu trong tuần là ngày …… tháng mười.

A. Ngày 14 tháng 10 B. Ngày 16 tháng 10

C. Ngày 15 tháng 10 D. Ngày 17 tháng 10

Câu 8: *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính:

43 + 36 23 – 12 86 – 2 32 + 3

Câu 9: *(1 điểm)* Viết vào chỗ trống cho thích hợp:

Sợi dây vải dài 80 cm, chị cắt lấy một đoạn dài 50 cm để buộc hộp quà tặng. Hỏi đoạn dây vải còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Đoạn dây vải còn lại dài .....cm.

Câu 10: *(1 điểm)* Viết vào chỗ chấm cho thích hợp:

Khối lớp Một trường Tiểu học Hưng Bình có bốn lớp: lớp 1A có 34 bạn, lớp 1B có 35 bạn, lớp 1C có 33 bạn, lớp 1D có 34 bạn.

- Lớp ……. có số bạn ít nhất.
- Lớp …….. có học sinh đông nhất.
- Số bạn lớp 1A *(nhiều hơn/ít hơn)*…….. số bạn lớp 1B.
- Số bạn lớp 1D *(nhiều hơn/ít hơn)*……..... số bạn lớp 1C.

BÀI KIỂM TRA CUỐI NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn Toán - Lớp 1

Đề 13

Câu 1: *(1điểm)* **Số.**

32 gồm ……..chục và ……..đơn vị

67 gồm ……..chục và …….đơn vị

…….gồm 8 chục và 1 đơn vị

…….gồm 9 chục và 0 đơn vị

Câu 2: Đồng hồ chỉ mấy giờ ?

…….. …… ……

Câu 3: *(1điểm)* > < =

35 - 22 …. 25

70 …… 60 + 23

55 + 2 …… 57

48 + 10 ….81

Câu 4: *(1điểm)* Nối phép tính ở các bông hoa có kết quả bằng 45 vào ô số 45

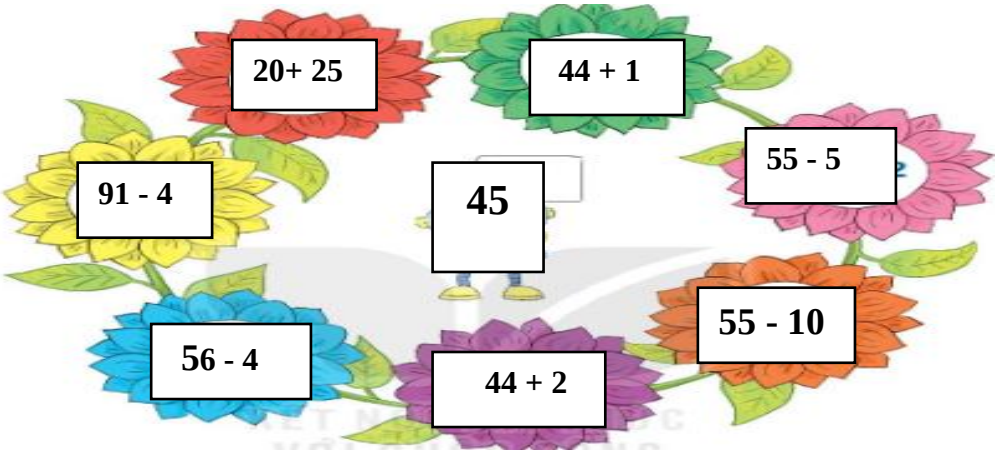

Câu 5: *(1điểm)* Đánh dấu X vào những ô trống ở mỗi tranh ghi phép tính có kết quả lớn hơn 17.

Câu 6: *(1điểm)* : Đúng ghi Đ.sai ghi S

41 cm + 25 cm = 56 cm ☐ 67 cm – 60 cm = 17 cm ☐

23 cm + 12 cm = 53 cm ☐ 34 cm – 11 cm = 23 cm ☐

Câu 7: *(1 điểm)* Khoanh vào ý đúng nhất: "*Có tất cả .....con vịt*?"

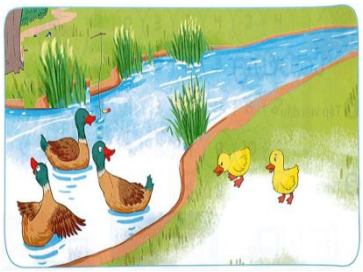

A. 3 con vịt B. 2 con vịt

C. 5 con vịt D. 5 con gà

Câu 8: *(1 điểm)* **Số....**

23 , 24 , …… 26,……,28,…….,……
10 ,12,…….,16,…….,……..,22
49,……..,47, …….,45, 44,……..

Câu 9: *(1 điểm)* Viết phép tính thích hợp vào ô trống?

☐☐☐☐☐

Câu 10: *(1 điểm)* Với bốn số và các dấu tính trong ô vuông. Hãy lập thành các phép tính cộng và phép trừ cho phù hợp

69 | 57 | 12 | 45 | - + =

.

☐☐☐☐☐ ☐☐☐☐☐

☐☐☐☐☐ ☐☐☐☐☐

BÀI KIỂM TRA CUỐI NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn Toán - Lớp 1

Đề 14

Câu 1: (1 điểm)

a) Viết các số: Tám mươi sáu : …….; Hai mươi lăm: ……...

b) Đọc số: 98: …….; 35: ……...

Câu 2: Số lớn nhất trong các số 89, 98, 67, 100 là:

A. 100 B. 98 C. 89 D. 67

Câu 3: Số liền trước số 50 là số:

A. 51 B. 49 C. 52 D. 50

Câu 4: Dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm 52 + 2 …. 95 - 23

A. < B. > C. =

Câu 5: Kết quả của phép tính 45 + 41 là:

A. 87 B. 86 C. 67 D. 78

Câu 6: *(1điểm)* **Đánh dấu nhân vào ô trống ở mỗi phép tính có kết quả lớn hơn 48**

34 + 22 ☐ **33 + 10** ☐ **99 - 33** ☐ **90 - 50** ☐

Câu 7: Điền dấu <, >, = vào chỗ chấm:

36 + 12 ☐ 13 + 24 29 – 14 ☐ 5 + 14 94 - 2 ☐ 81+ 11

Câu 8. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- Số liền trước của 50 là…...
- Số liền trước của 69 là..…. .
- Số tròn chục liền sau số 30 là: …….
- Số ở giữa số 23 và 25 là …….
- Số …… gồm 4 chục 0 đơn vị.

Câu 9: Lập phép tính tương ứng

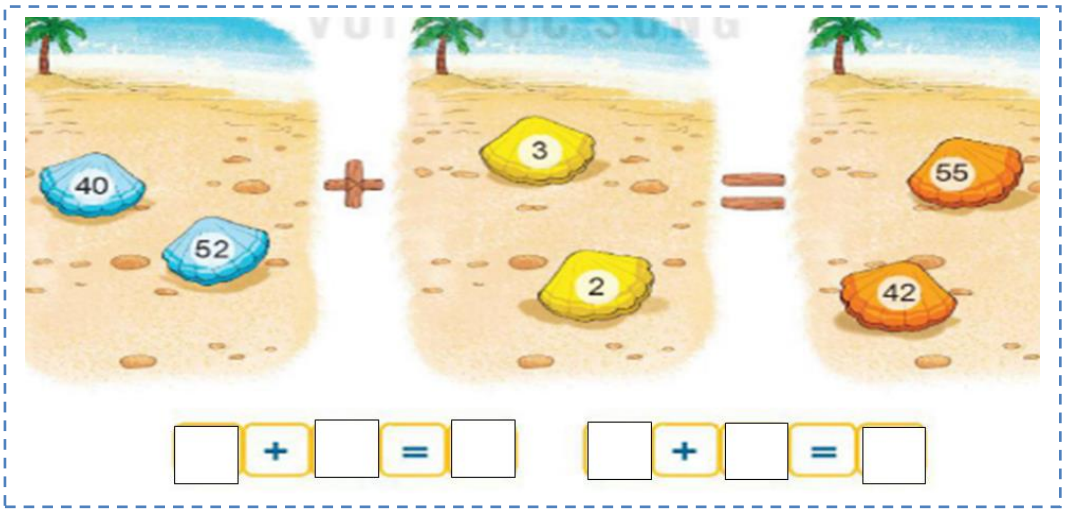

Câu 10: Chị Hà mua được 78 chậu hoa. Lát sau Lan đi chợ mua thêm 12 chậu hoa nữa.Hỏi Hà và Lan mua được tất cả bao nhiêu chậu hoa **?**

BÀI KIỂM TRA CUỐI NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn Toán - Lớp 1

Đề 14

Câu 1: (1 điểm) Nối đúng?

Hình vuông	
Hình tròn	
Hình chữ nhật	
Hình tam giác	

Câu 2. (1 điểm) **Điền số thích hợp vào chỗ chấm:**

- Số liền trước của10 là…...

- Số liền trước của 19 là..… .

- Số 13 gồm……chục……đơn vị.

Câu 3: (1 điểm) Số bé nhất có hai chữ số giống nhau là số:

A. 11 B. 12 C. 13 D. 14

Câu 4: (1 điểm) Chị Lan mua được 34 quả cam. Lát sau mẹ đi chợ mua thêm 12 quả nữa.Hỏi chị Lan và mẹ mua được tất cả bao nhiêu quả cam**?**

A.63 B.36 C.46 C.54

Câu 5: (1 điểm) Cho hình dưới đây:

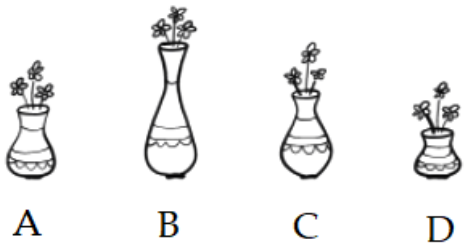

Lọ hoa nào cao nhất?

A. Lọ A B. Lọ B C. Lọ C D. Lọ D

<u>Câu 6</u>: (1 điểm) Đặt tính rồi tính

17 + 2 55 + 11 89 - 23 50 – 20

Câu 7: (1 điểm) Nối phép tính với kết quả đúng:

99 - 4	10 + 60	45 - 24	54+ 2

56 21 95 70

Câu 8: (1 điểm) **Điền dấu <, >, = vào chỗ chấm**:

16 + 12 ☐ 23 + 24 39 – 4 ☐ 25 + 1 44 - 2 ☐ 31

Câu 9: (1 điểm) Tính

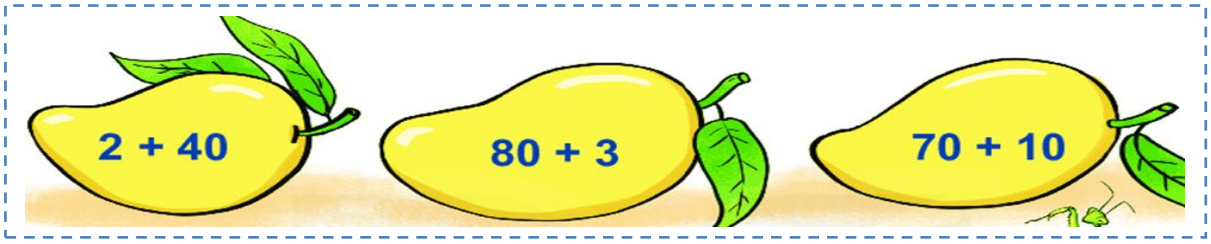

+ Quả xoài nào ghi kết quả lớn nhất:…….

+ Quả xoài nào ghi kết quả bé nhất:……..

Câu 10: (1 điểm) Hà có25 que tính, Lan có 34 que tính. Hỏi hai bạn có tất cả bao nhiêu que tính?

BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II. NĂM HỌC: 2020 - 2021
MÔN TOÁN - LỚP 1

Đề 15

Câu 1: (1 điểm) a)**Viết số thích hợp vào ô trống:**

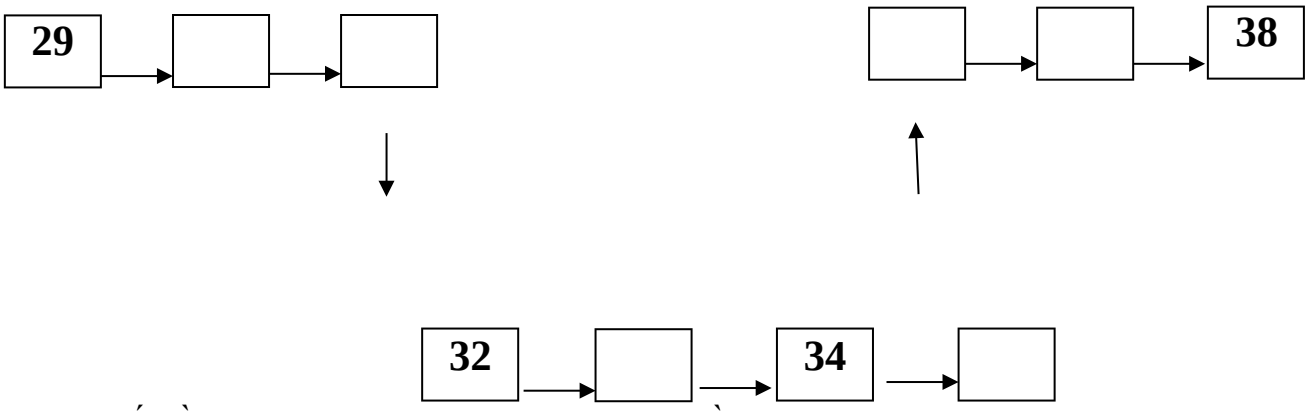

b) Số liền trước của 68 là …… ; 56 gồm ……. chục và……đơn vị

Số liền sau của 99 là …… ; 31 gồm ……chục và ……..đơn vị

Câu 2: (1 điểm) **Dùng thước và viết độ dài của mỗi chiếc bút:**

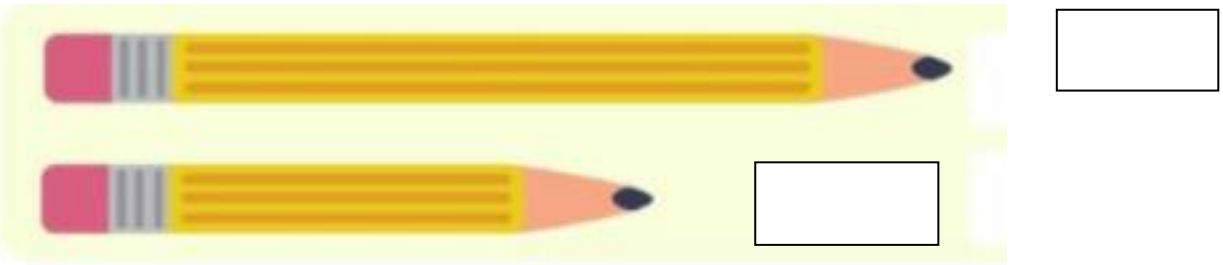

Câu 3 : (1 điểm) Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng:

a)Trong các số **80; 56; 10; 49; 08** Số tròn chục là

A: 56; 80 B: 08 ; 10 C: 80; 10 D: 08; 56

b) **"Số 55" đọc là:**

A. năm năm B. năm mươi lăm C. năm mươi năm D. lăm mươi lăm

Câu 4: Băng giấy màu xanh dài 40cm , băng giấy màu đỏ dài 30cm . Hỏi cả hai băng giấy dài bao nhiêu xăng ti mét ?

Câu 5: Điền < , >, =

57 ☐ 31 ; 99 ☐ 100

94 – 4 ☐ 80 ; 48 ☐ 60 – 10

26 – 24 ☐ 16 – 6 ; 65 - 41 ☐ 11 + 13

Câu 6: Viết tiếp vào chỗ ….

20: ……. 34 gồm …..chục và ……đơn vị

67:…….. 89 gồm ……chục và ……đơn vị

……..: Bốn mươi tám Số …….gồm bốn chục và một đơn vị

……...: Hai mươi chín Số …….gồm hai chục và năm đơn v

<u>Câu 7</u>: *(1điểm):* Đặt tính rồi tính

27 + 22 95 + 3 37 - 2 87 - 17

Câu 8: a) Khoanh vào đồ vật cao hơn?

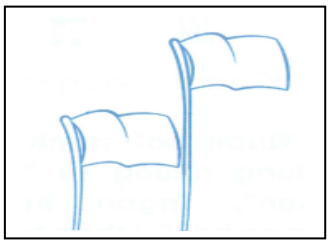

b) Em hãy kể các đồ vật trong lớp có hình dạng hình chữ nhật:.....

Câu 9: An có 32 quả táo và quả lê .An đem ra chợ bán đi 20 quả lê . Hỏi An còn bao nhiêu quả táo ?

Câu 10: Đánh dấu nhân vào ô trống ghi phép tính có kết quả bé hơn 35

36 – 10	58 – 5	14 + 13	32 + 11	89 - 29
☐	☐	☐	☐	☐

BÀI KIỂM TRA CUỐI NĂM
MÔN TOÁN - LỚP 1

Đề 16

Bài 1: Nối đúng?

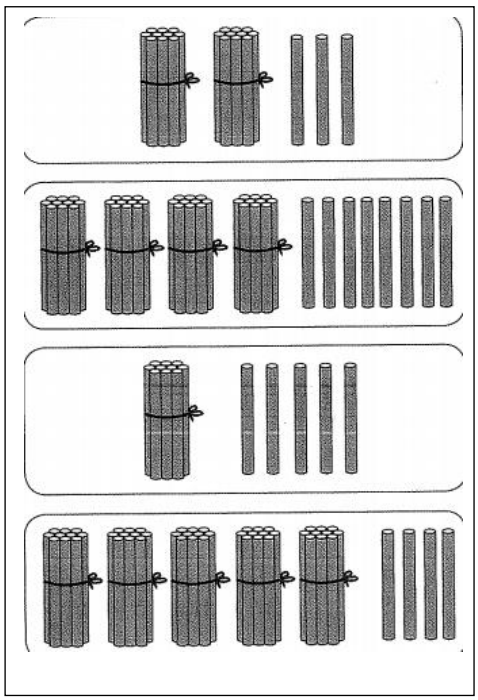

54	Năm mươi tư
15	Hai mươi ba
23	Bốn mươi tám
48	Mười lăm

Bài 2: ***Sắp xếp các số sau: 28, 42, 90, 53, 36***

+ Theo thứ tự từ bé đến lớn:……

+ Theo thứ tự từ lớn đến bé: ……

<u>Bài 3</u>: (1 điểm) Viết tiếp các thứ còn thiếu vào mỗi bông hoa?

Bài 4: (1 điểm) Tính nhẩm

80 + 10 = ...	40 – 20 = ...
70 + 30 = ...	80 – 50 = ...
20 + 40 = ...	90 – 80 = ...
10 + 60 = ...	60 – 30 = ...

Câu 5: Điền > < =

85 + 3 87	37 - 31 .....32 + 3	90 …….89
34 + 5 80	54 +42 ..... 45 + 31	10 ……100

Câu 6: **Điền số ?**

78 $\xrightarrow{+21}$ ☐ $\xrightarrow{-16}$ ☐ $\xrightarrow{+10}$ ☐ $\xrightarrow{-31}$ ☐ $\xrightarrow{-42}$ ☐

Câu 7: (1 điểm) **Đồng hồ chỉ mấy giờ ?**

....

Câu 8: (1 điểm) Nối đúng ?

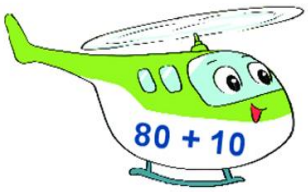

90	67	79

Câu 9:(1 điểm)

+ Em hãy viết các số tròn chục:.....

+ Em hãy viết các số có 2 chữ số giống nhau: .....

+ Viết các số ở giữa số 55 và 60 :.....

+ Số liền sau số 99 là: .....

Câu 10: (1 điểm) Sợi dây thứ nhất dài 25 cm, sợi dây thứ hai dài 21 cm. Hỏi cả hai sợi dây dài bao nhiêu cm?

BÀI KIỂM TRA
MÔN TOÁN - LỚP 1

Đề 17

Câu 1: (1điểm) Viết các số 28, 9, 35, 91,67 theo thứ tự:

a. Từ lớn đến bé:.....

b.Từ bé đến lớn:.....

Câu 2: (1 điểm) Khoanh tròn vào các hình chữ nhật ?

A B C D E

Câu 3: ***(1điểm):*** **Đặt tính rồi tính**

17 + 32 45 + 13 97 - 92 47 - 31

Câu 4: Đánh dấu nhân vào ô trống ở mỗi phép tính có kết quả bằng 27

14 + 13 ☐ **72 - 10** ☐ **59 - 32** ☐ **48 - 21** ☐

Câu 5:(1 điểm)

a. Nếu thứ hai là ngày 13 thì thứ năm tuần đó là ngày ?

A.Ngày 14 B.Ngày 12 C.Ngày 16 D.Ngày 15

b. Em hãy đo độ dài của chiếc bút ?

A.15 cm B.14 cm C.17 cm D.13cm

Câu 4: (1 điểm): **Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống**

65 + 2 = 67 ☐ 52 - 11 = 31 ☐

72 cm + 13 = 85 cm ☐ 64 cm – 24 cm = 40 cm ☐

Câu 5: (1 điểm): ***Em hãy viết 5 phép tính cộng,trừ có kết quả bằng 44***

……

……

Câu 6: (1 điểm): ***Với các số sau 24, 2, 13,11 em hãy lập các phép tính phù hợp***

.

Câu 7: (1 điểm): ***Điền*** > < =

78 ….. 89 34 …..23

23 + 11 ……43 89 – 23 …..56

27 – 27 ……23 – 22 43 – 12 ….. 11 + 21

Câu 8: (1 điểm): ***Đồng hồ chỉ mấy giờ?***

…… …… …… ……

Câu 10: (1 điểm): ***Viết vào chỗ chấm cho thích hợp:***

Khối lớp 1 trường Tiểu học Thanh Xuân có bốn lớp: lớp 1A có 35 bạn, lớp 1B có 38 bạn, lớp 1C có 33 bạn, lớp 1D có 39 bạn.

- Lớp ……có số bạn ít nhất.
- Lớp ……có học sinh đông nhất.
- Số bạn lớp 1A ***(nhiều hơn/ít hơn)***……..…….. số bạn lớp 1B.
- Số bạn lớp 1D ***(nhiều hơn/ít hơn)***……..…..... số bạn lớp 1C.
- Cả 2 lớp 1A và 1C có tất cả bao nhiêu bạn ?

BÀI KIỂM TRA
MÔN TOÁN - LỚP 1

Đề 18

Câu 1: Số?

Câu 2: Có …….khối hộp chữ nhật ?
Có ……khối lập phương ?

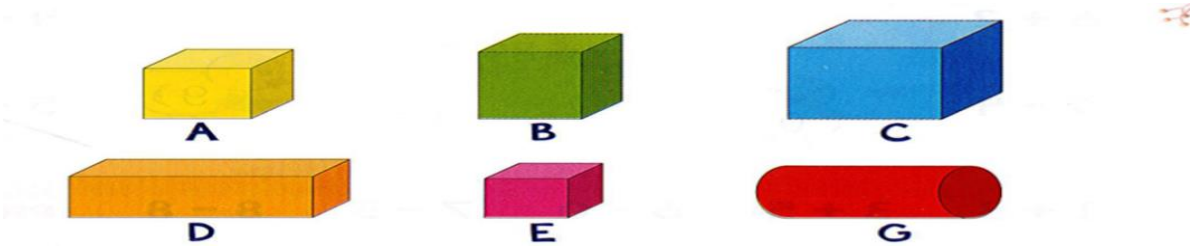

Câu 3: Viết số thích hợp

Chín mươi lăm : ……....

44: ……

…….gồm 8 chục và 6 đơn vị

75: gồm ……..chục và …….đơn vị

…….gồm 6 chục và 4 đơn vị

Câu 4:): Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

72+ 22= 94 ☐ 82 - 11 = 61 ☐

30 + 33 = 64 ☐ 62 – 12 = 50 ☐

Câu 5: Điền dấu <, >, = vào chỗ chấm:

76 + 12 ☐ 53 + 24 59 – 14 ☐ 35 + 1 84 - 22 ☐ 61+ 12

Câu 6: Đồng hồ chỉ mấy giờ ?

....

Câu 7: Viết các số 40, 20, 90, 70 ,10

Theo thứ tự từ **bé** đến **lớn**:.....

Theo thứ tự từ **lớn** đến **bé**:.....

Câu 8: Tính

a) 53 + 22 + 10 = ... 62 + 21 - 12 = ...

b) 70 - 60 - 10 = ... 16 + 64 - 20 = ...

Câu 9:Điền số

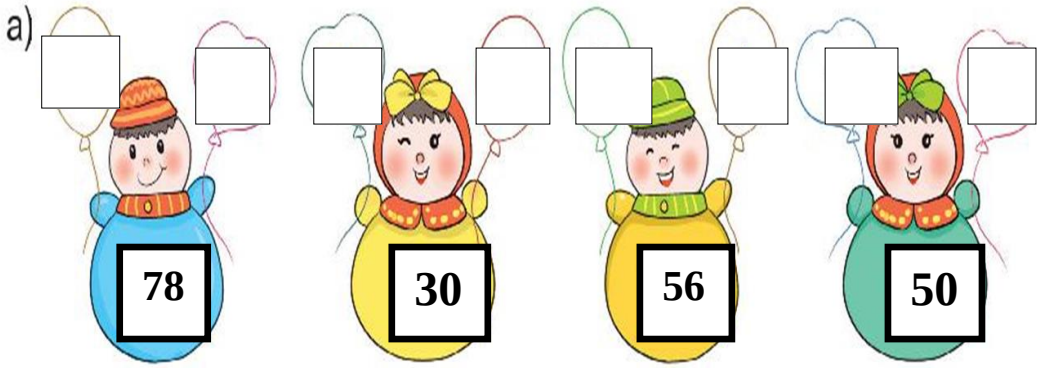

Câu 10: Trong rổ của bé Hà có 30 quả cam và 16 quả quýt. Hỏi Hà có tất cả bao nhiêu quả ?

MÔN TOÁN - LỚP 1

Đề 19

Câu 1: (1 điểm) ***Khoanh vào đáp án đúng***

a.Số nào lớn nhất ?

A. 67 B.45 C.23 D.9

b.Điền dấu thích hợp 78 – 12 54

A. > B. < C. =

c. Điền dấu thích hợp 67 ..... 12 + 23= 78

A. + B. – C. =

d. Số tròn chục liền sau số 40 là:

A. 20 B. 30 C.40 D.50

Câu 2:

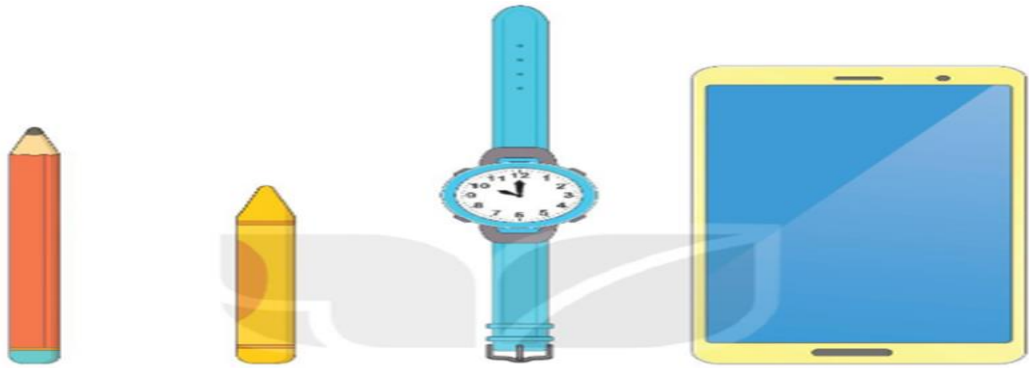

+ Đồ vật cao nhất là : .....

+ Đồ vật thấp nhất là:.....

+ Đồ vật nào ở giữa chiếc bút sáp và chiếc điện thoại:.....

+ Chiếc bút sáp đúng sau đồ vật nào:.....

Câu 3: (1 điểm) ***Điền dấu*** **+ -**

76 .....56 = 20 23 .....11 = 12

34 ..... 34 + 34 = 34 56 ..... 12 + 5 = 49

78 .....10 ..... 10 = 98 42 – 12 .....10 = 20

Câu 4: (1 điểm) ***Nối đúng các phép tính có cùng kết quả ?***

Câu 5: (1 điêm) ***Đặt tính rồi tính .***

77 + 12 85 + 13 77 - 22 87 - 3

Câu 6: (1 điểm)

a.***Viết kết quả của mỗi phép tính vào ô trống***

Phép tính	17 + 2	72 – 2	24 + 0	32 + 2	73 - 23	21 + 13
Kết quả						

b. ***Viết phép tính ở câu a vào chỗ chấm ....***

+ Phép tính .....có kết quả lớn nhất

+ Phép tính .....có kết quả bé nhất

+ Hai phép tính .....và .....có kết quả bằng nhau

Câu 7: Tính .

67 – 12 = ...	89 + 11 – 80 = ...
70 – 20 = ...	21 + 23 – 40 = ...
12 – 2 = ...	67 – 12 – 12 = ...

Câu 8: (1 điểm) **Đồng hồ chỉ mấy giờ ?**

....

Câu 9: Linh gấp được 23 chiếc thuyền giấy,Hoa gấp được 32 chiếc, Hùng gấp được 18 chiếc. Vậy:

+ Số thuyền giấy của Hoa gấp được nhiều hơn của Linh ☐

+ Số thuyền giấy của Linh gấp được ít hơn của Hùng ☐

+ Số thuyền giấy của Linh gấp được nhiều nhất ☐

+ Số thuyền giấy của Hùng gấp ít nhất ☐

Câu 10: Bác Tư trồng được tất cả 17 quả bưởi và cam,trong đó có 7 cây cam.Hỏi Bác Tư trồng được bao nhiêu cây bưởi?